

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa trong lĩnh vực Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm 04 lĩnh vực hoạt động với 32 thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Tài chính ngân sách – Đầu tư (08 TTHC);
2. Lĩnh vực Quản lý Tài sản công (20 TTHC);
3. Lĩnh vực Quản lý giá (03 TTHC);
4. Lĩnh vực tài chính doanh nghiệp (01 TTHC).

**Điều 2.** Sở Tài chính có trách nhiệm:

1. Cập nhật các TTHC này vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cập nhật các TTHC được công bố tại Quyết định này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn thành việc cấu hình các TTHC này trên phần mềm Dịch vụ công của tỉnh.

4. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ tất cả các Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành trước đây.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP. Huế; *(gửi qua mạng);*
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Sở Tài chính *(gửi bản chính);*
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, KSTH.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

## Phụ lục 1

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 329 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Lĩnh vực
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH - ĐẦU TƯ</b>
1	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (dùng cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách)
2	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (dùng cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản)
3	Kê khai bổ sung thông tin chuyên giai đoạn dự án đầu tư xây dựng cơ bản khi đã đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách
4	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm A
5	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm B
6	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm C
7	Phê duyệt quyết toán dự án dùng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị
8	Phê duyệt quyết toán dự án dùng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG</b>
9	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> ).
10	Quyết định thuê tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp</i> ).
11	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan trong trường hợp thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> )
12	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước. ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> )
13	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước ( <i>trừ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> ).

14	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> )
15	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ( <i>trừ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> ).
16	Quyết định điều chuyển tài sản công ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> )
17	Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế ( <i>trừ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> ).
18	Quyết định bán tài sản công ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> )
19	Quyết định thanh lý tài sản công ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (trừ trường hợp ủy quyền cho Sở tài chính và UBND cấp huyện tại Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30/3/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)</i> )
20	Quyết định thanh lý tài sản công ( <i>trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng /1 đơn vị tài sản hoặc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không giới hạn giá trị tài sản nhưng thuộc các trường hợp: Phá bỏ để tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc; thanh lý do trụ sở làm việc, cơ sở sự nghiệp nằm trong lộ giới qui hoạch trên địa bàn phải di dời và chuyển giao cho Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng địa phương; phá dỡ để cải tạo, đầu tư xây dựng mới theo kế hoạch, dự án hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền</i> )
21	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công
22	Quyết định tiêu huỷ tài sản công ( <i>Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản</i> )
23	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị huỷ hoại
24	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc
25	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án
26	Điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý
27	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội

28	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ</b>
29	Đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài chính
30	Kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài chính.
31	Hiệp thương giá
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</b>
32	Phê duyệt Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế